

UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MẦM NON THỦY TIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 106/QĐ-MNTT

Gò Vấp, ngày 15 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 2 năm 2024
của Trường Mầm non THỦY TIÊN**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào kết quả tình hình thực hiện dự toán quý 2 năm 2024 của Trường Mầm non Thủy Tiên;

Xét đề nghị của kế toán trường Mầm non Thủy Tiên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 2 năm 2024 của Trường Mầm non Thủy Tiên (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính trường Mầm non Thủy Tiên thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Thảo

**BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ II NĂM 2024****I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2024**

	Nguồn 13 (chi thường xuyên)	Nguồn 14 (10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên)	Nguồn 14 (chi NQ 08)	Nguồn 12 (chi không thường xuyên)	Tổng cộng
Tồn Quý 1/2024 chuyển sang	2.872.998.730	530.087.333	3.842.810.563	1.621.481.000	8.867.377.626
Dự toán giao trong Quý 2 /2024	-	-	-	-	-
Dự toán đã sử dụng	950.423.051	185.297.232	719.898.023	410.251.500	2.265.869.806
+ Quý 1	-	-	-	-	-
+ Quý 2	950.423.051	185.297.232	719.898.023	410.251.500	2.265.869.806
+ Quý 3					-
+ Quý 4					-
Tồn cuối kỳ	1.922.575.679	344.790.101	3.122.912.540	1.211.229.500	6.601.507.820

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:**1/ Chi thường xuyên (nguồn 13) : 950.423.051 đồng**

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 2/2024	Lũy kế từ đầu năm
B	C	5	6
	TỔNG	950.423.051	1.917.606.321
6000	Tiền lương	491.372.200	975.517.916
6001	Lương theo ngạch, bậc	491.372.200	975.517.916
6100	Phụ cấp lương	266.496.053	527.272.016
6101	Phụ cấp chức vụ	10.504.500	21.009.000
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	6.395.392	15.876.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	158.901.050	314.584.445
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	447.000	1.192.000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	90.248.111	174.610.571
6300	Các khoản đóng góp	139.149.341	275.217.320
6301	Bảo hiểm xã hội	103.621.851	204.949.077
6302	Bảo hiểm y tế	17.763.746	35.134.117
6303	Kinh phí công đoàn	11.842.495	23.422.750
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	5.921.249	11.711.376
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-	61.200.000
6449	Chi khác	-	61.200.000
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	21.488.829	30.442.507
6501	Tiền điện	18.936.873	25.450.815
6502	Tiền nước	2.551.956	4.883.692
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	-	108.000
6550	Vật tư văn phòng	16.913.000	16.913.000
6551	Văn phòng phẩm	6.813.000	6.813.000
6552	Văn phòng phẩm CM	10.100.000	10.100.000
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	4.763.628	5.938.562

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 2/2024	Lũy kế từ đầu năm
B	C	5	6
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	658.428	1.459.362
6605	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	1.122.000	1.496.000
6606	Tuyên truyền, quảng cáo	583.200	583.200
6649	Khác	2.400.000	2.400.000
6700	Công tác phí	4.600.000	10.300.000
6704	Khoản công tác phí	4.600.000	10.300.000
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	4.640.000	4.640.000
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	4.640.000	4.640.000
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	-	-
7050	Chi khác	1.000.000	10.165.000
7001	Chi mua hàng hoá, vật tư	1.000.000	1.000.000
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	-	9.165.000
7750	Chi khác	-	-
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	-	-
7799	Chi các khoản khác	-	-

2/Chi thường xuyên (nguồn 14): 905.195.255 đồng

- Tăng lương theo Nghị định 24/2023/NĐ-CP: 185.297.232 đồng
- Chi Nghị quyết 08 trong năm 2024: 719.898.023 đồng.

3/Chi không thường xuyên (nguồn 12) : 410.251.500 đồng

Kế toán



Nguyễn Ngọc Đoàn Trang



Cho Váp, ngày 15 tháng 7 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Phương Thảo

TRƯỜNG MN THỦY TIỀN

Chương: 622

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2024

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện quý 2 năm 2024	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
		2	3	4 = 3/2	5 = 3/1
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu Học phí	858.600.000	185.400.000	22%	0%
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	858.600.000	185.400.000	22%	0%
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.905.461.000	2.265.869.806	23%	58%
1	Chi quản lý hành chính	-	-		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	9.905.461.000	2.265.869.806	23%	58%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.947.658.000	1.855.618.306		
a)	Chi thường xuyên (nguồn 13)	3.837.382.000	950.423.051		
b)	10% tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (không kể tiền lương, có tính chất lương)	711.408.000	185.297.232		
c)	KP không tự chủ chi chính sách tiền lương thao quy định (NQ08) (nguồn 14)	3.398.868.000	719.898.023		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.957.803.000	410.251.500		
	- Chi hoạt động	1.432.043.000	410.251.500		
	- Chi mua sắm tài sản	136.600.000	-		
	- Cấp bù học phí	389.160.000	-		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				

Kế toán

Nguyễn Ngọc Đoàn Trang



Giáo viên, ngày 15 tháng 7 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Phương Thảo